

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2026/DS-ST

Ngày: 24/8/2026

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Lơ

Bà Lâm Thị Loan Em

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 290/2026/TLST-DS ngày 23 tháng 06 năm 2026 về việc "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 379/2026/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 07 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần L.

Địa chỉ: Số H, Ngõ A, đường T, phố A, phường H, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông **Nguyễn Quốc K.** Địa chỉ: Số A đường H, phường S, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

2. Ông **Phạm Thanh T**, sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp B, xã P, thành phố Cần Thơ. (Có mặt) Số điện thoại 0363.033.696

- Bị đơn: Ông Lương Minh S, sinh ngày 01/01/1953. (Vắng mặt)

Căn cước công dân số 094053007872

Địa chỉ: ấp K (ấp K B cũ), xã L, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 01/4/2026, quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn ông Phạm Thanh T trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần L (tên gọi cũ là Ngân hàng TMCP B) - Chi nhánh S2 – Phòng G (sau đây gọi tắt là Ngân hàng L) và ông Lương Minh S đã

ký kết hợp đồng tín dụng số HDTD38B202300271 ngày 23/08/2023. Theo đó, Ngân hàng L đã giải ngân cho ông Lương Minh S số tiền 50.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng), theo Giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 38B202300271/01 cùng ngày 23/08/2023. Thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ cụ thể thời hạn vay là 12 tháng được tính kể từ ngày tiếp theo của ngày Ngân hàng giải ngân đầu tiên (ngày bên vay bắt đầu nhận tiền vay) từ ngày 24/08/2023 đến hết ngày 23/08/2024, kỳ hạn trả nợ gốc: Gốc trả cuối kỳ vào ngày hết hạn khế ước nhận nợ, kỳ hạn trả nợ lãi 03 tháng/lần, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân 14%/năm, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, khách hàng là ông Lương Minh S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TMCP L và phía Ngân hàng đã nhiều lần mời ông Lương Minh S1 đến Ngân hàng làm việc cũng như nhiều lần đến nhà khách hàng đôn đốc yêu cầu khách hàng thanh toán nợ, gửi thông báo nợ quá hạn cũng như lập nhiều biên bản làm việc nhưng khách hàng vẫn không thanh toán hoặc thanh toán nợ không đầy đủ.

Tính đến ngày 24/8/2026, ông Lương Minh S còn nợ Ngân hàng L số tiền nợ gốc khoản vay là: 50.000.000 đồng, lãi trong hạn là 2.147.260 đồng, nợ lãi quá hạn là 25.812.894 đồng. Tổng cộng ông Lương Minh S còn nợ Ngân hàng L số tiền là 77.960.154 đồng (Bảy mươi bảy triệu, chín trăm sáu mươi nghìn, một trăm năm mươi bốn đồng). Và từ ngày 25/8/2026 ông Lương Minh S phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi quá hạn phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ cho đến khi ông Lương Minh S trả hết nợ cho Ngân hàng L.

2/ Bị đơn ông Lương Minh S đã được tổng đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý vụ án để thông báo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP L đối với ông nhưng ông S vẫn không có ý kiến trình bày, cũng không đến phiên tòa để tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP L khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lương Minh S, địa chỉ cư trú tại ấp K (ấp K B cũ), xã L, thành phố Cần Thơ để yêu cầu trả nợ tín dụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn

ông Nguyễn Quốc K vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do nhưng người đại diện hợp pháp ông Phạm Thanh T tham gia phiên tòa là phù hợp nội dung Giấy ủy quyền số 303A/2026/UQ-LPBank ngày 08/6/2026 của Ngân hàng; bị đơn ông Lương Minh S vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần L về nghĩa vụ trả nợ:

[3.1] Theo hợp đồng tín dụng số HDTD38B202300271 ngày 23/08/2023 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số **38B202300271/01** thể hiện ngày 23/8/2023 Ngân hàng L đã giải ngân cho ông Lương Minh S vay số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), thời hạn trả ngày **23/8/2024**, mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn nuôi heo, lãi suất cho vay là 14%/năm có điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần theo hợp đồng và khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả là 10%/năm. Quá trình thực hiện hợp đồng vay thì ông S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi và nợ gốc cho Ngân hàng L, đến ngày **23/8/2024** là thời hạn trả nợ gốc nhưng ông S đến nay không trả nợ cho Ngân hàng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm 24/8/2026 ông S còn nợ Ngân hàng L số tiền nợ gốc khoản vay là: 50.000.000 đồng, lãi trong hạn là 2.147.260 đồng, nợ lãi quá hạn là 25.812.894 đồng. Tổng cộng ông S còn nợ Ngân hàng L số tiền là 77.960.154 đồng (Bảy mươi bảy triệu, chín trăm sáu mươi nghìn, một trăm năm mươi bốn đồng)

[3.2] Việc giao kết hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ giữa hai bên là tự nguyện, hình thức hợp đồng và các nội dung thỏa thuận nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia giao kết có các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng, phía bị đơn ông S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, Ngân hàng TMCP L tiến hành khởi kiện yêu cầu ông S trả nợ là có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký kết và quy định tại Điều 280, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 100, Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

[3.3] Về yêu cầu trả lãi: Theo nội dung hợp đồng tín dụng đã ký kết, việc thỏa thuận lãi, lãi suất đúng như nguyên đơn trình bày. Cụ thể, mức lãi suất thỏa thuận bằng 14%/năm; áp dụng lãi suất có điều chỉnh theo quy định; lãi suất nợ lãi trả chậm: 10%/năm; Lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Thỏa thuận về việc trả lãi như trên là phù hợp quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 100 của Luật các tổ chức tín dụng và hướng dẫn tại Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên yêu cầu của nguyên đơn về phần này là có cơ sở.

[3.4] Như vậy, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 24/8/2026 Ngân hàng L yêu cầu ông S trả số tiền nợ tổng cộng 77.960.154 đồng (Bảy mươi bảy

triệu, chín trăm sáu mươi nghìn, một trăm năm mươi bốn đồng) trong đó nợ gốc khoản vay là 50.000.000 đồng, lãi trong hạn là 2.147.260 đồng, nợ lãi quá hạn là 25.812.894 đồng. Kể từ ngày 25/8/2026 ông S phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ cho đến khi ông S trả hết nợ cho Ngân hàng L là có cơ sở, đúng với thỏa thuận của hợp đồng, khế ước nhận nợ và quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Tại Điều 6 của Hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD38B202300271 ngày 23/08/2023 thỏa thuận biện pháp bảo đảm tiền vay: Bên cho vay cho bên vay vay theo hình thức giữ hộ tài sản là Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CU 007914, số vào sổ cấp GCN CH05990 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng cũ cấp ngày 01/06/2020 cho ông Lương Minh S. Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp cho Ngân hàng L có ý kiến nếu ông Lương Minh S trả hết nợ cho Ngân hàng L thì Ngân hàng L sẽ trả lại bản chính Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho ông Lương Minh S. Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng L được chấp nhận nên Ngân hàng L không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.808.000 đồng theo biên lai thu số 0012772 ngày 23/6/2026 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Bị đơn ông S phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, số tiền án phí ông S phải chịu là 3.898.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; các khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 100 và Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

- Áp dụng các điều 280, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, lãi phạt vi phạm;

- Áp dụng khoản 2 của Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần L về việc yêu cầu ông Lương Minh S trả nợ vay tín dụng.

Buộc ông Lương Minh S có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần L tổng số tiền **77.960.154 đồng** (Bảy mươi bảy triệu, chín trăm sáu mươi nghìn, một trăm năm mươi bốn đồng) trong đó nợ gốc các khoản vay là 50.000.000 đồng và nợ lãi trong hạn 2.147.260 đồng, nợ lãi quá hạn là 25.812.894 đồng.

Kể từ ngày 25/8/2026 ông Lương Minh S còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD38B202300271 ngày 23/08/2023; Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 38B202300271/01 ngày 23/08/2023 cho đến khi ông Lương Minh S thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần L.

2/ Ghi nhận ý kiến của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng thương mại cổ phần L: Trường hợp ông Lương Minh S trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần L thì Ngân hàng thương mại cổ phần L trả lại cho ông Lương Minh S bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CU 007914, sổ vào sổ cấp GCN CH05990 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng (cũ) cấp ngày 01/06/2020 cho ông Lương Minh S.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần L số tiền 1.808.000 đồng (Một triệu, tám trăm lẻ tám nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012772 ngày 23/06/2026 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Ông Lương Minh S phải chịu án phí số tiền 3.898.000 đồng (Ba triệu, tám trăm chín mươi tám nghìn đồng).

4/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và 72 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Phòng THADS khu vực 7 – Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Đặng Thị Vàng